

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày 13 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngát
Ông Nguyễn Văn Khôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bá Tuấn - Kiểm sát viên;

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng Thị Đ, sinh năm 1967 tại huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn ĐB, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N và bà Loan Thị C; không có chồng, có 2 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giam từ ngày 11/7/2018, hiện tại bị cáo đang bị tạm giam; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Vi Văn T, sinh năm 1979; có mặt

2. Triệu Thị M, sinh năm 1978; vắng mặt

3. Tráng Văn M1, sinh năm 1976; vắng mặt

Đều cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

4. Nguyễn Thị C, sinh năm 1970; vắng mặt

5. Nông Văn H, sinh năm 1980; có mặt

6. Phạm Thị T, sinh năm 1989; vắng mặt

Đều cư trú: Thôn T, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

7. Hoàng Thị D, sinh năm 1995; có mặt

8. Mã Văn H, sinh năm 1986; vắng mặt

Đều cư trú: Thôn ĐK, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

9. Tô Văn T, sinh năm 1980; có mặt

Trú tại: Thôn ĐB, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

10. Lã Thị O, sinh năm 1972; vắng mặt

11. Hoàng Thị M2, sinh năm 1979; vắng mặt

Đều cư trú: Thôn T, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

12. Chiêu Thị L, sinh năm 1967; vắng mặt

Trú tại: Thôn Th, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Trắng Văn H, sinh năm 1961; trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

2. Lã Từ T, sinh năm 1977; trú tại: Thôn T, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

3. Lã Văn N, sinh năm 1964; trú tại: Thôn T, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Từ năm 2012, Hoàng Thị Đ thường xuyên vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê, Đ có quen biết một số ông chủ xưởng làm hương, làm mỳ, . . . tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, những ông chủ xưởng này bảo với Đ về Việt Nam tìm người đưa sang Trung Quốc làm thuê, mỗi người lao động vào làm việc các ông chủ người Trung Quốc sẽ trả tiền công cho Đ từ 50 NDT đến 100 NDT/ 1 người/ 1 tháng. Từ tháng 2/2016 đến tháng 3 năm 2016, Hoàng Thị Đ đã 02 lần đưa 18 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp, cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 2/2016 (tức tháng 1/2016 âm lịch), Hoàng Thị Đ rủ Vi Văn T, sinh năm 1979 ở thôn Đ, xã D, huyện S (là con rể Đ) sang Trung Quốc lao động; biết T chuẩn bị đi làm ở Trung Quốc, Triệu Thị M, sinh năm 1978 và Trắng Văn M1, sinh năm 1976 đều ở thôn Đ, xã D, huyện S đã thông qua T nói với Đ cho đi cùng; cũng trong thời gian này, Hoàng Thị C, sinh năm 1979 ở thôn ĐB, xã A và Loan Văn Đ, sinh năm 1985 ở thôn T, xã A, huyện S đến nhà Đ đặt vấn đề nhờ Đ đưa sang Trung Quốc làm thuê; Đ đồng ý và nói với những người lao động sang Trung Quốc lao động ở xưởng làm hương, lương tháng 2.200 NDT/ 01 tháng

(tương đương 6 – 7 triệu đồng), chi phí đi hết 800 NDT/ 01 người (tương đương 2.500.000đồng), đi bằng hình thức vượt biên, không cần làm giấy tờ, thủ tục gì. Sau khi ấn định ngày đi, Đ hẹn những người lao động ở ngã tư thị trấn A, huyện S, Đ đón xe ô tô buýt đưa người lao động xuống thành phố Bắc Giang, sau đó đón tiếp xe ô tô khách đưa người lao động đến khu vực cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, tiền vé xe ô tô mọi người tự trả. Tại đây, Đ liên hệ với một người phụ nữ quen biết từ trước tên là Th, nhưng Đ không biết lai lịch và địa chỉ của Th, Đ thuê Th đưa mọi người đi theo đường mòn trong rừng vượt biên giới sang Trung Quốc, mỗi người phải trả công cho Th 100.000đồng. Khi sang đến đất Trung Quốc, Đ đưa mọi người đi đổi từ tiền Việt Nam sang tiền Trung Quốc rồi thu của mỗi người 800 NDT, nếu ai chưa có tiền hoặc còn thiếu thì Đ sẽ ứng cho và trừ lương sau; Đ đón xe ô tô chở khách đưa mọi người đến tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc để lao động, Đ đưa T, M, M1 đến lao động tại xưởng làm hương, C và Đ đến lao động tại xưởng làm nước lạnh; sắp xếp công việc cho mọi người xong thì Đ trở về Việt Nam. Các lao động làm thuê đến tháng 11/2016 (tức tháng 10 âm lịch) thì về nước. Đ khai chuyến này được ông chủ xưởng hương trả công 1350 NDT (đổi tiền Việt Nam được 4.455.000đồng), không được chủ xưởng nước trả tiền công.

Lần thứ hai: Sau khi trở về địa phương, nhiều người trên địa bàn huyện S biết Đ đưa được người sang Trung Quốc lao động nên mọi người đã liên hệ nhờ Đ đưa sang Trung Quốc làm thuê. Do trước khi về Việt Nam, Đ được người chủ xưởng Mỹ nói sẽ trả công đưa người đến lao động là 100NDT/01 người/ 01 tháng nên Đ nhất trí đưa mọi người sang Trung Quốc lao động, Đ tư vấn cho mọi người sang Trung Quốc làm ở xưởng mỹ, lương 2.200NDT/01 tháng (tương đương 6 – 7 triệu đồng), chi phí đi hết 800 NDT (tương đương 2.500.000đồng), đi bằng hình thức vượt biên trái phép.

Ngày 29/3/2016 (tức ngày 21/2/2016 âm lịch), Hoàng Thị Đ thuê xe ô tô 16 chỗ ngồi đưa 13 người đến khu vực cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn để đưa sang Trung Quốc làm thuê gồm: Nguyễn Thị C, sinh năm 1970; Nông Văn H, sinh năm 1983; Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; Phạm Thị T, sinh năm 1989 đều ở thôn T xã A, huyện S; Hoàng Thị D, sinh năm 1995; Mã Văn H, sinh năm 1986 đều ở thôn ĐK, xã A, huyện S; Hoàng Văn Q, sinh năm 1972; Tô Văn T, sinh năm 1980 đều ở thôn ĐB, xã A, huyện S; Lã Thị O, sinh năm 1972; Hoàng Thị M2, sinh năm 1979; Vi Thị T, sinh năm 1980 đều ở thôn T, xã D, huyện S; Lã Thị M3, sinh năm 1982 ở thôn Đ, xã D; Chiêu Thị L, sinh năm 1967 ở thôn Th, xã D, huyện S; mọi người tự trả tiền xe ô tô cho lái xe. Tại khu vực cửa khẩu Chi Ma, Đ liên hệ với người phụ nữ tên là Th đưa mọi người đi theo đường mòn vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc, mọi người tự trả tiền công cho Th là 100.000đ/01 người. Khi sang đến đất Trung Quốc, Đ đưa mọi người đi đổi từ tiền Việt Nam

sang tiền Trung Quốc rồi thu của mỗi người 800 NDT, nếu ai chưa có tiền hoặc còn thiếu thì Đ sẽ ứng cho và trừ lương sau; Đ đón xe ô tô chở khách đưa mọi người đến tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc để lao động; Đ đưa mọi người đến làm thuê tại xưởng may, làm được 10 ngày thì người chủ không thuê nữa, Đ tiếp tục đưa mọi người đến làm ở xưởng chế biến cá đông lạnh, làm giấy, làm bánh kẹo. Trong số những người lao động này có L, M2, Th, O và M3 thấy công việc quá vất vả nên đòi về trước. Do O, L, M2 còn nợ Đ tiền đi và chưa có tiền về nên Đ yêu cầu phải trả tiền cho Đ đã ứng ra, nếu không có tiền thì bảo người nhà mang tiền đến đưa cho ông Tráng Văn H, sinh năm 1961 ở thôn Đ, xã D, huyện S (là anh rể Đ); gia đình L đưa cho ông H 4.000.000đồng, gia đình M2 đưa cho ông H 4.000.000đồng, gia đình O đưa cho ông H 2.000.000đồng; sau đó con gái của Đ là Hoàng Thị T, Hoàng Thị N đã đến nhà ông H lấy hết số tiền nêu trên. Sau khi các gia đình L, M2 và O nộp trả tiền đi và về, Đ đã mua vé xe ô tô khách cho L, M2, Th, O và M3 từ tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc về khu vực biên giới giáp huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn để mọi người vượt biên về nước. Những người còn lại làm thuê ở Trung Quốc đến tháng 7/2016 thì về Việt Nam. Đ khai chuyến này không được các ông chủ người Trung Quốc trả tiền công.

2. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã làm việc, lấy lời khai các đối tượng: Vi Văn T, Triệu Thị M, Tráng Văn M1, Nguyễn Thị C, Nông Văn H, Phạm Thị T, Hoàng Thị D, Mã Văn H, Tô Văn T, Lã Thị O, Hoàng Thị M2 và Chiêu Thị L. Lời khai của các đối tượng trên phù hợp với lời khai của Hoàng Thị Đ. Các đối tượng còn lại không có mặt tại địa phương nên không thu thập được lời khai gồm: Hoàng Thị C, Loan Văn Đ, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn Q, Vi Thị Th và Lã Thị M3.

3. Các đối tượng được Hoàng Thị Đ đưa sang Trung Quốc làm thuê đã vi phạm quy định về xuất, nhập cảnh, Cơ quan điều tra đã có công văn gửi Công an huyện S đề nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

4. Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKS-P1 ngày 02 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Hoàng Thị Đ về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 2, Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999.

5. Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Đ phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”; áp dụng khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Thị Đ từ 05 năm đến 05 năm 6 tháng tù; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc Hoàng Thị

Đ giao nộp số tiền thu lợi bất chính 4.455.000đồng để sung vào công quỹ Nhà nước; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Bị cáo Hoàng Thị Đ trình bày: Bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng người, đúng tội; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do không hiểu biết pháp luật nên bị cáo đã phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo được sớm trở về với gia đình làm người công dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thị Đ thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của các đối tượng liên quan trong vụ án. Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2018 đến tháng 3/2018, khi được các đối tượng nhờ đưa sang Trung Quốc làm thuê, bị cáo Hoàng Thị Đ đã tư vấn cho họ về các khoản chi phí đi lại, công việc và mức thu nhập hàng tháng; lần thứ nhất bị cáo đưa 05 đối tượng đi xe ô tô khách, lần thứ hai bị cáo thuê xe ô tô 16 chỗ ngồi đưa 13 đối tượng đi từ huyện S đến khu vực cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo liên hệ nhờ người đưa bị cáo và các đối tượng đi theo đường mòn, vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc rồi đưa các đối tượng đến các cơ sở sản xuất để làm thuê; trong cả 02 lần bị cáo đều thu tiền xe đi lại ở Trung Quốc, nếu người nào chưa có tiền hoặc còn thiếu thì bị cáo ứng trước rồi trừ tiền công lao động sau. Hành vi trên của bị cáo Hoàng Thị Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh; hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”, bị cáo tổ chức 02 lần đưa tổng số 18 người trốn sang Trung Quốc lao động làm thuê nên bị truy tố theo khoản 2 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo Hoàng Thị Đ tổ chức đưa người trốn sang Trung Quốc làm thuê với mục đích trục lợi, hưởng tiền công giới thiệu lao động từ các ông chủ xưởng người Trung Quốc và giúp người khác có công ăn việc làm; bị cáo không có động cơ, mục đích chống đối pháp luật hoặc làm tổn hại đến lợi ích Nhà nước, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo làm mất an ninh trật tự tại địa phương và vùng biên giới, là

nguy cơ để các thế lực phản động lợi dụng chống phá Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số có trình độ văn hóa thấp, sinh sống ở vùng cao đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; bị cáo có cha đẻ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào tình chất vụ án, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo Hoàng Thị Đ ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt; hình phạt giành cho bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với tình chất, mức độ của hành vi phạm tội, phù hợp với tính chất nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[3] Về biện pháp tư pháp:

Hoàng Thị Đ tổ chức đưa người trốn sang Trung Quốc làm thuê, chuyển thứ nhất Đ khai được các ông chủ người Trung Quốc trả công tổng cộng là 1350 NDT, quy đổi ra tiền Việt Nam = 4.455.000đồng, chuyển thứ hai Đ không được hưởng đồng nào. Xét thấy số tiền nêu trên Đ có được là do phạm tội mà có nên cần phải thu hồi để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàng Thị Đ thu tiền của các đối tượng trốn sang Trung Quốc, kể cả số tiền mà gia đình các đối tượng Chiêu Thị L, Hoàng Thị M và Lã Thị O đưa cho ông Tráng Văn H đều để chi phí tiền xe đi lại; do Đ không được hưởng lợi các khoản tiền này nên không đặt ra xem xét thu hồi.

[4] Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Áp dụng khoản 2 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Đ phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”;

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Đ 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 11/7/2018).

2- Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Thu hồi, buộc Hoàng Thị Đ phải giao nộp số tiền 4.455.000đ (Bốn triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn) là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có để sung vào công quỹ Nhà nước.

3- Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Thị Đ.

Bị cáo có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt đều có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Công an huyện SĐ
- Chi cục THADS huyện SĐ
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thái